



# Giới thiệu Chỉ số Xanh cấp tỉnh

GS. TS. Edmund J. Malesky

Giám đốc Trung tâm Phát triển Quốc tế Đại học Duke  
Trưởng nhóm nghiên cứu PCI



PGI 2022

## Động lực thúc đẩy đánh giá PGI



### Tăng trưởng kinh tế và phát triển khu vực tư nhân

Sự phát triển của nền kinh tế và khu vực tư nhân Việt Nam đạt nhiều thành tựu ấn tượng, đưa hàng triệu người dân thoát nghèo và đưa Việt Nam trở thành nước có thu nhập trung bình.



### Hợp tác với khu vực tư nhân

Chuyển đổi xanh cần có sự hợp tác và nguồn lực của khu vực tư nhân.



### Ô nhiễm môi trường và BĐKH

Một nền kinh tế năng động thường đi kèm với nhiều hệ lụy. Việt Nam cũng không tránh khỏi những thách thức chưa từng có từ BĐKH và ô nhiễm môi trường.



### Sáng kiến thúc đẩy bởi VCCI

PGI được thúc đẩy bởi VCCI với sự hỗ trợ của USAID cùng các đối tác tư nhân. PGI phản ánh mối quan tâm về việc bảo vệ môi trường trong quỹ đạo phát triển kinh tế của Việt Nam



### Mô hình tăng trưởng bền vững

Chính phủ Việt Nam nhận thức rõ các vấn đề này và đã khởi động quá trình chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng bền vững hơn.

## Nội dung chính



Phương pháp luận Chỉ số Xanh cấp tỉnh



Các khác biệt xét theo nước xuất xứ và ngành



Điểm số PGI có mối tương quan với chất lượng môi trường tốt hơn không?



## Phương pháp luận Chỉ số Xanh cấp tỉnh

Quy trình 3C, Bốn chỉ số thành phần, Top 5 địa phương có kết quả PGI tốt nhất, và Top 5 địa phương đứng đầu mỗi chỉ số thành phần



## Phương pháp luận PGI

**C**ollect (Thu thập dữ liệu), **C**onstruct (Xây dựng CSTP), **C**alibrate (Tính điểm)

### 4 Chỉ số thành phần

- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tác động tiêu cực của ĐKKH
- Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường tối thiểu
- Vai trò lãnh đạo của chính quyền tỉnh trong thúc đẩy thực hành xanh
- Chính sách ưu đãi và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường

Các CSTP có trọng số bằng nhau: **25%**

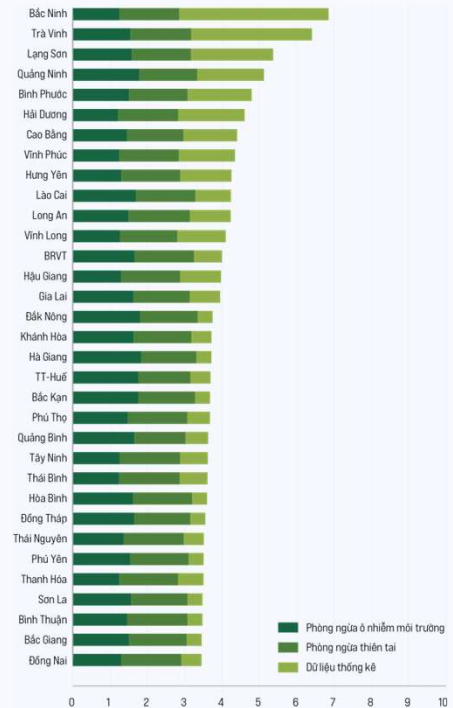


## Chỉ số thành phần 1: Giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tác động tiêu cực của ĐKKH

Đo lường cơ sở hạ tầng cơ bản và các dịch vụ công do chính quyền tỉnh cung cấp nhằm giảm thiểu rủi ro gây ra bởi thiên tai và biến đổi khí hậu cho hoạt động của doanh nghiệp.

CSTP 1 gồm 3 chiều cạnh:

- |  |  |  |
|--|--|--|
| <p><b>#1</b></p> <p>Giảm thiểu ô nhiễm</p> | <p><b>#2</b></p> <p>Phòng ngừa thiên tai</p> | <p><b>#3</b></p> <p>Dữ liệu cứng (số trạm quan trắc chất lượng không khí đô thị trên 10,000 dân)</p> |
|--|--|--|







## Chỉ số thành phần 2:

### Đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn môi trường tối thiểu

Chỉ tiêu	Trung bình toàn quốc	Điểm thấp nhất	Điểm cao nhất
CSTP 2: Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường tối thiểu	5,07	4,03	6,74
Chiều cạnh 2.1 Các giải pháp phòng ngừa ô nhiễm môi trường của chính quyền tỉnh	1,54	1,07	1,78
Chiều cạnh 2.2 Chất lượng thực thi quy định pháp luật môi trường	1,28	1,21	1,41
Chiều cạnh 2.3 Dữ liệu cứng về xử lý, thu gom nước thải	1,16	0,51	1,99
Chiều cạnh 2.4 Dữ liệu cứng về xử lý, thu gom chất thải rắn	1,09	0,20	2,00
Tính có giải pháp hiệu quả để phòng ngừa tình trạng ô nhiễm môi trường (% DN đồng ý)	74,0%	47,8%	87,3%
Tính khắc phục nhanh chóng các sự cố ô nhiễm môi trường (% DN đồng ý)	72,9%	47,8%	87,3%
Tính nghiêm túc xử phạt các DN gây ô nhiễm môi trường (% DN đồng ý)	75,9%	50,0%	89,2%
Thanh tra môi trường tạo cơ hội cho cán bộ thanh kiểm tra những nhiều DN (% DN)	5,2%	0,0%	11,9%
Cơ quan nào đã thanh kiểm tra DN trong năm qua: Thanh tra môi trường (% DN)	6,1%	1,4%	13,4%
DN đã trả chi phí không chính thức cho cán bộ thanh tra môi trường (% DN)	1,8%	0,0%	6,8%
Dữ liệu Bộ TNMT: Tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường (%)	15,8%	0,0%	88,2%
Dữ liệu Bộ TNMT: Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát sinh nước thải từ 50 m3/ngày trở lên có hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường (%)	88,3%	0,0%	100,0%
Dữ liệu Bộ TNMT: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn (%)	15,5%	0,0%	80,0%
Dữ liệu Bộ TNMT: Chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường (%)	80,0%	0,0%	100,0%

## Chỉ số thành phần 3:

### Vai trò lãnh đạo của chính quyền tỉnh trong thúc đẩy thực hành xanh

Đo lường vai trò đo lường vai trò lãnh đạo của chính quyền tỉnh trên hai khía cạnh: (1) mua sắm xanh và (2) hướng dẫn, phổ biến về các quy định pháp luật môi trường

CSTP 3 gồm 3 chiều cạnh:

#### #1

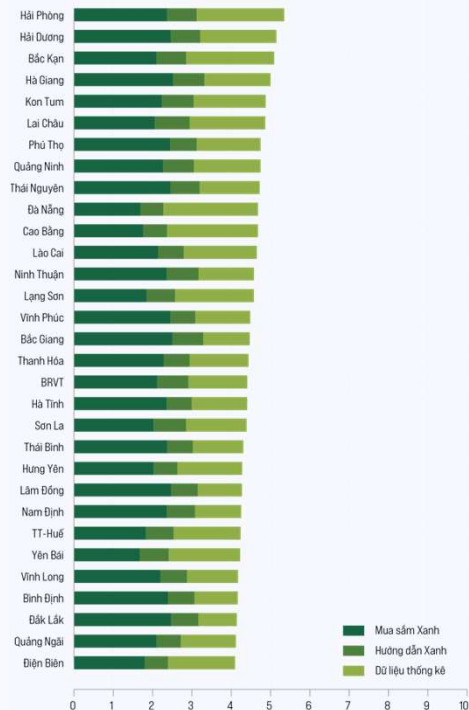
Ưu tiên mua hàng hóa, dịch vụ xanh

#### #2

Hướng dẫn, phổ biến pháp luật và thực hành xanh

#### #3

Dữ liệu cứng (Tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động sự nghiệp BVMT và Số lượng công chức, cán bộ thực hiện nhiệm vụ BVMT trên 1 triệu dân)



### Chỉ số thành phần 3:

## Vai trò lãnh đạo của chính quyền tỉnh trong thúc đẩy thực hành xanh

Chỉ tiêu	Trung bình toàn quốc	Điểm thấp nhất	Điểm cao nhất
CSTP 3: Vai trò lãnh đạo của chính quyền tỉnh trong bảo vệ môi trường	4,11	2,98	5,35
Chiều cạnh 3.1 Ưu tiên mua hàng hóa, dịch vụ xanh	2,01	1,19	2,60
Chiều cạnh 3.2 Hướng dẫn, phổ biến pháp luật và hành vi BVMT	0,67	0,46	0,89
Chiều cạnh 3.3 Các chỉ tiêu từ dữ liệu cứng	1,43	0,68	2,41
CQNN tại tỉnh ưu tiên mua hàng hóa dịch vụ của các doanh nghiệp "xanh" (% DN)	66,1%	34,0%	85,2%
CQNN tại tỉnh sẵn sàng trả giá cao hơn khi mua hàng hóa dịch vụ của các doanh nghiệp "xanh" (% DN)	60,5%	29,0%	85,2%
DN được hướng dẫn về quy định pháp luật môi trường (%)	43,2%	13,5%	83,4%
DN được hướng dẫn về bảo tồn, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả (%)	12,5%	6,1%	24,6%
DN được hướng dẫn về sử dụng năng lượng tái tạo (%)	8,6%	3,5%	19,5%
DN được hướng dẫn về sản xuất năng lượng tái tạo (%)	5,4%	1,6%	16,9%
DN được hướng dẫn về giảm thiểu sử dụng nhựa (%)	10,4%	2,6%	19,1%
DN được hướng dẫn về đầu tư vào quản lý hiệu quả chất thải rắn (%)	5,1%	0,6%	10,5%
DN được hướng dẫn về hạn chế ô nhiễm nguồn nước (%)	16,5%	4,8%	31,2%
DN được hướng dẫn về sử dụng nước tiết kiệm (%)	17,2%	4,3%	29,0%
DN được hướng dẫn về giảm thiểu ô nhiễm không khí (%)	13,4%	3,2%	27,0%
DN được hướng dẫn về tái trồng rừng (%)	6,0%	0,6%	21,0%
Dữ liệu Bộ TNMT: Tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động sự nghiệp BVMT (%)	1,8%	0,2%	6,2%
Dữ liệu Bộ TNMT: Số lượng công chức, cán bộ thực hiện nhiệm vụ BVMT trên 1 triệu dân	147,01	44,43	380,39

### Chỉ số thành phần 4:

## Chính sách ưu đãi và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường

Đánh giá mức độ doanh nghiệp có thể tiếp cận và thụ hưởng các chính sách, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp hướng đến thực hành và kinh doanh xanh do chính quyền địa phương triển khai.

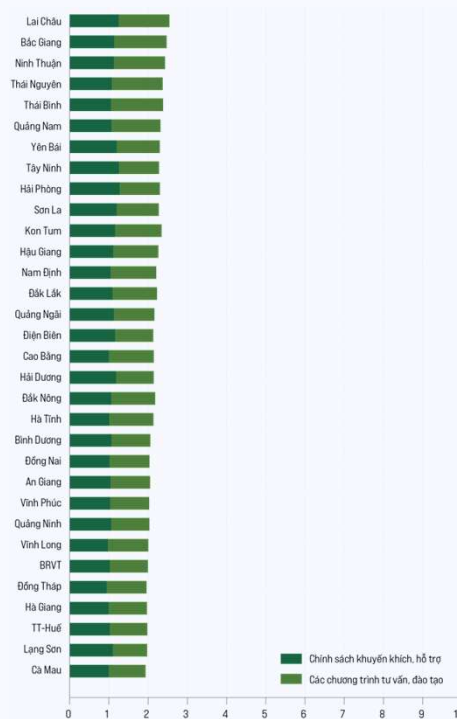
CSTP 4 gồm 2 chiều cạnh:

#### #1

Các chính sách khuyến khích, hỗ trợ DN thực hành xanh

#### #2

Các dịch vụ tư vấn, đào tạo để cải thiện hoạt động môi trường



## Chỉ số thành phần 4:

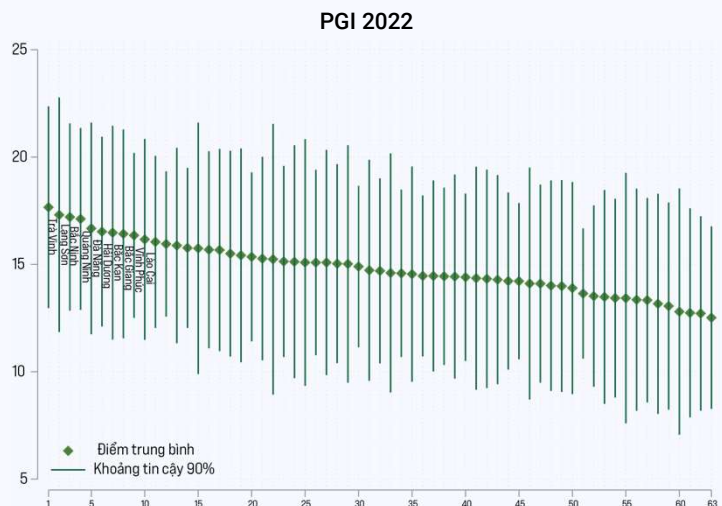
### Chính sách ưu đãi và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường

Chỉ tiêu	Trung bình toàn quốc	Điểm thấp nhất	Điểm cao nhất
CSTP 4: Chính sách và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường	1,92	1,39	2,59
Chiều cạnh 4.1 Các chính sách khuyến khích, hỗ trợ DN thực hành xanh	0,97	0,70	1,28
Chiều cạnh 4.2 Dịch vụ tư vấn, đào tạo để cải thiện hoạt động môi trường	0,95	0,68	1,34
Chính sách khuyến khích, hỗ trợ về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả (0-4)	1,03	0,31	2,02
Chính sách khuyến khích, hỗ trợ về năng lượng sạch/năng lượng tái tạo (0-4)	0,31	0,07	0,74
Chính sách khuyến khích, hỗ trợ về giảm thiểu ô nhiễm không khí (0-4)	0,54	0,17	1,15
Chính sách khuyến khích, hỗ trợ về giảm thiểu ô nhiễm nước và nước thải (0-4)	0,46	0,19	1,07
Chính sách khuyến khích, hỗ trợ về giảm thiểu rác thải nhựa (0-4)	0,40	0,13	0,73
Chính sách khuyến khích, hỗ trợ về tái chế rác thải (0-4)	0,24	0,06	0,50
Chính sách khuyến khích, hỗ trợ về tăng khả năng chống chịu thiên tai (0-4)	0,17	0,04	0,46
Chính sách khuyến khích, hỗ trợ về tái trồng rừng (0-4)	0,18	0,00	0,59
Chính quyền tỉnh cung cấp dịch vụ tư vấn để cải thiện hoạt động môi trường (0-4)	0,54	0,22	1,23
Chính quyền tỉnh cung cấp dịch vụ đào tạo để cải thiện hoạt động môi trường (0-4)	0,25	0,09	0,61

## Top 5 địa phương có điểm PGI cao nhất

Điểm trung bình với khoảng tin cậy 90%

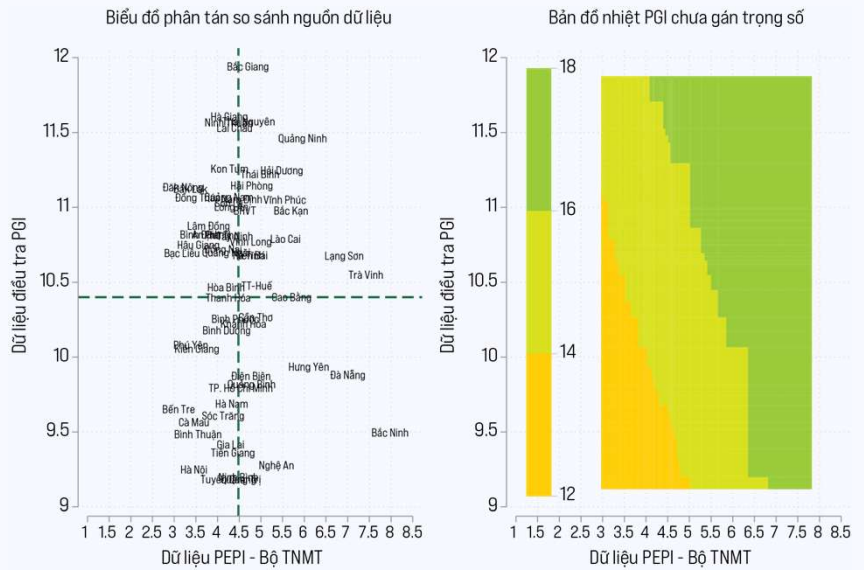
- 1 TRÀ VINH
- 2 LẠNG SƠN
- 3 BẮC NINH
- 4 QUẢNG NINH
- 5 ĐÀ NẴNG





## Tương quan và dự báo từ dữ liệu cứng và dữ liệu khảo sát

Dữ liệu khảo sát và dữ liệu thu thập từ các nguồn có sẵn (dữ liệu “cứng”) không có mối tương quan với nhau. Tuy nhiên, để đạt được kết quả PGI tổng thể ở mức tốt, một tỉnh cần có điểm số vượt trội ở ít nhất một trong hai thước đo.



## Năm tỉnh có điểm số cao nhất trong các chỉ số thành phần PGI

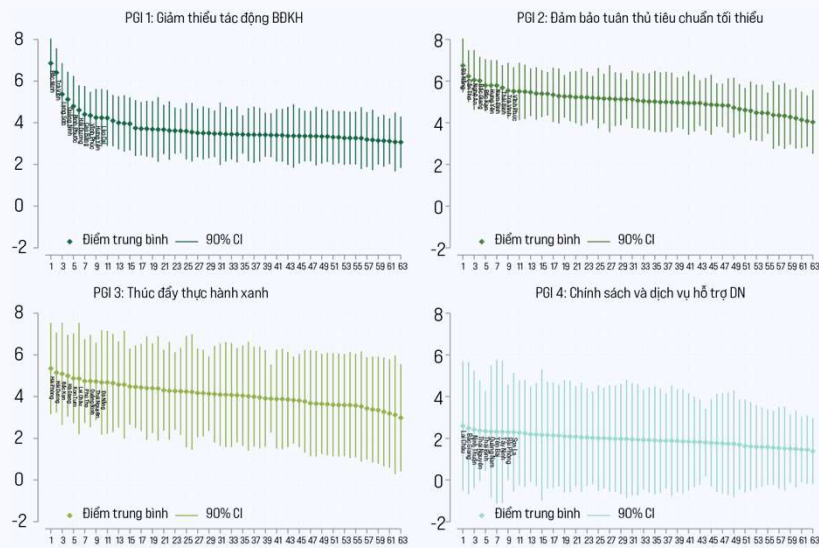
	1. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tác động tiêu cực của BĐKH	2. Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường tối thiểu	3. Vai trò lãnh đạo của chính quyền tỉnh trong thúc đẩy thực hành xanh	4. Chính sách khuyến khích và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường
1	BẮC NINH	ĐÀ NẴNG	HẢI PHÒNG	LAI CHÂU
2	TRÀ VINH	CẦN THƠ	HẢI DƯƠNG	BẮC GIANG
3	LẠNG SƠN	NGHỆ AN	BẮC GIANG	NINH THUẬN
4	QUẢNG NINH	BẮC GIANG	HÀ GIANG	THÁI NGUYÊN
5	BÌNH PHƯỚC	BẮC KẠN	KON TUM	THÁI BÌNH

## Các khác biệt xét theo nước xuất xứ và ngành

Mức độ chênh lệch dữ liệu trong mỗi chỉ số thành phần, Những khác biệt giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài, Những khác biệt theo ngành

PGI 2022

### Điểm từng chỉ số thành phần của các địa phương có chênh lệch lớn với giá trị trung bình



Đường thẳng màu xanh lá thể hiện khoảng tin cậy 90% xung quanh điểm trung vị.

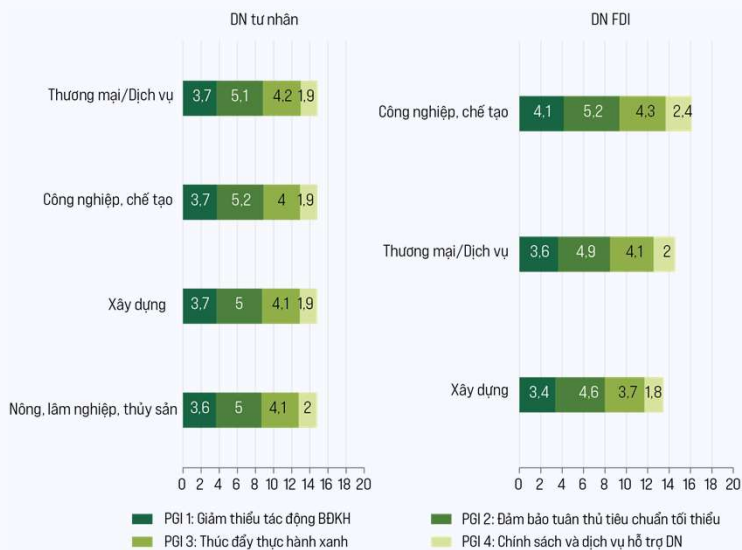
## Khác biệt giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài



Đánh giá của doanh nghiệp tư nhân trong nước và doanh nghiệp FDI có sự **nhất quán cao**.

Nhìn chung, **doanh nghiệp FDI** có đánh giá **tích cực hơn**, ngoại trừ về khía cạnh giảm thiểu ô nhiễm.

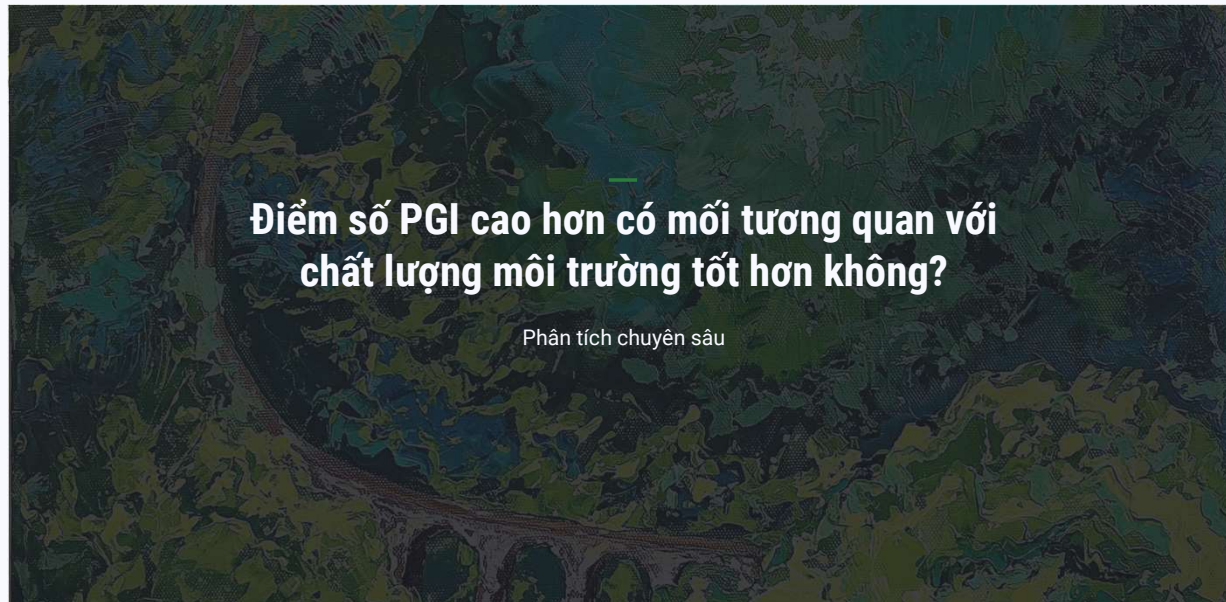
## Đánh giá của doanh nghiệp FDI trong các ngành có khác biệt rõ nét





# Điểm số PGI cao hơn có mối tương quan với chất lượng môi trường tốt hơn không?

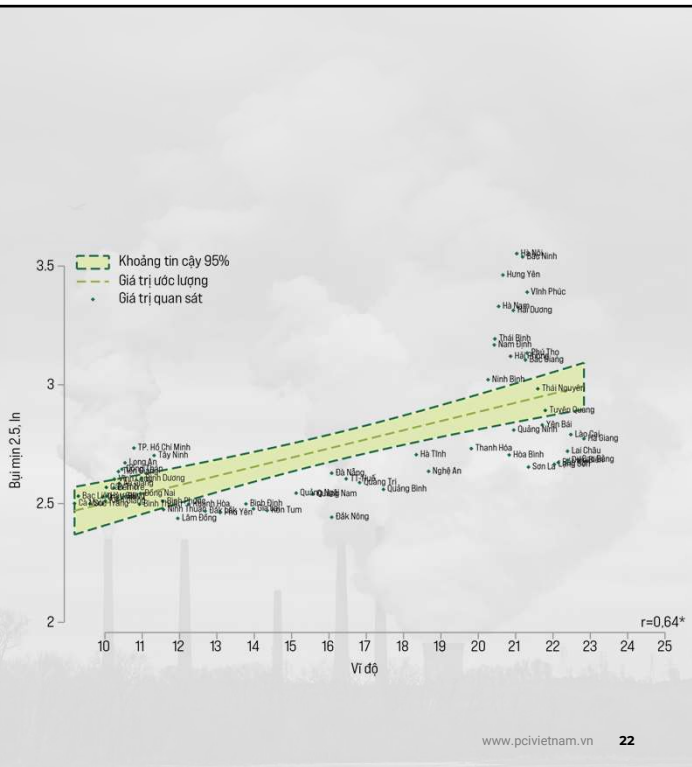
Phân tích chuyên sâu



PGI 2022

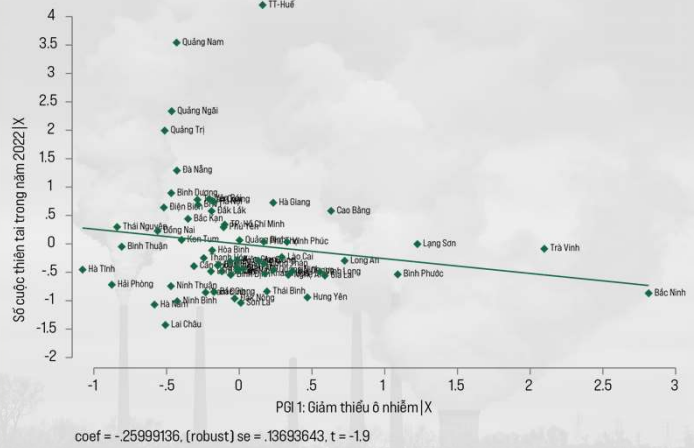
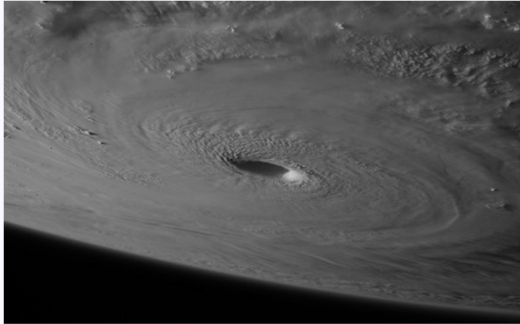
## Suy thoái và ô nhiễm môi trường chủ yếu đến từ sự khác biệt về đặc điểm địa lý và cấu trúc

Các tỉnh miền Bắc có mức độ ô nhiễm lớn hơn



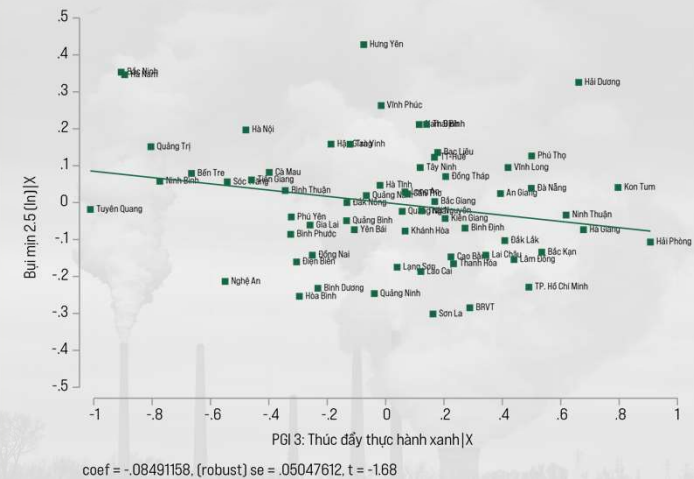
## Những tỉnh đạt điểm CSTP 1 cao là những tỉnh ít bị thiên tai hơn trong năm qua.

Chỉ số thành phần 1 có tương quan nghịch biến với việc giảm thiểu thiên tai (hồi quy kiểm soát biến nhiễu)



## Những tỉnh có điểm CSTP 3 cao là những tỉnh có chỉ số bụi mịn (PM 2.5) thấp hơn

Chỉ số thành phần 3 có tương quan nghịch biến với việc giảm ô nhiễm (hồi quy kiểm soát biến nhiễu)





## Tóm tắt các phát hiện chính

Chỉ số Xanh cấp tỉnh 2022

### #1

4 chỉ số thành phần của PGI không có liên quan đáng kể với nhau. Một địa phương có thể có kết quả nổi trội ở mặt này song lại chưa làm tốt ở mặt khác.

### #4

Cảm nhận của các doanh nghiệp FDI trong các ngành khác nhau về công tác quản trị môi trường khá khác biệt. Các doanh nghiệp FDI lĩnh vực công nghiệp/chế tạo nhiều khả năng sẽ đánh giá tích cực hơn về công tác đảm bảo tuân thủ tiêu chí môi trường tối thiểu của địa phương.

### #2

Dữ liệu điều tra và dữ liệu "cứng" không có mối tương quan với nhau. Tuy nhiên, để đạt được kết quả PGI tổng thể ở mức tốt, một tỉnh cần có điểm số vượt trội ở ít nhất một trong hai thước đo.

### #5

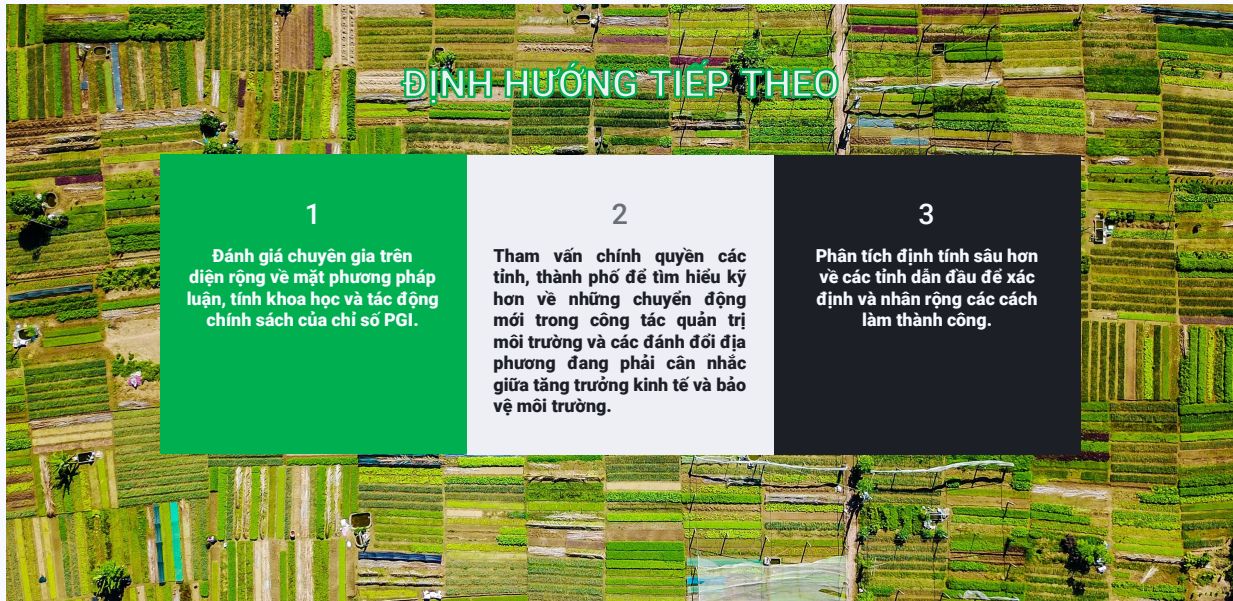
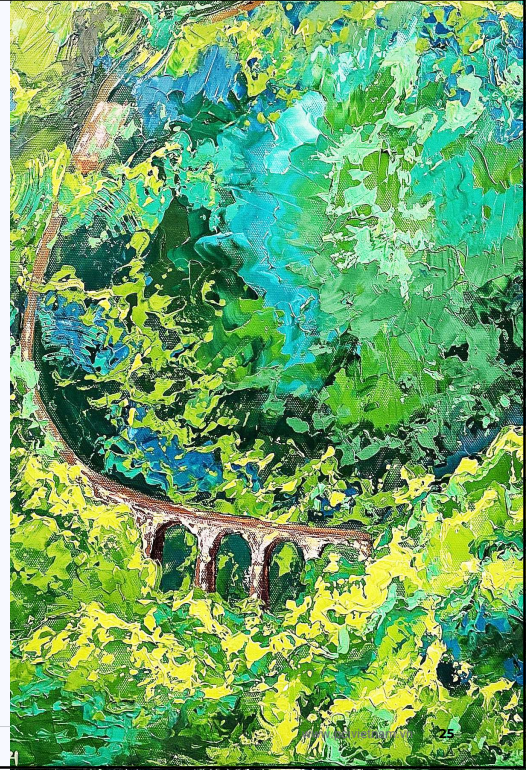
Trong giai đoạn đầu phát triển chỉ số PGI để đo lường tiến trình chuyển đổi xanh, nhóm nghiên cứu chưa tìm thấy mối quan hệ mạnh giữa chỉ số PGI tổng thể và bất kỳ thước đo nào về ô nhiễm và thiên tai.

### #3

Nhìn chung các doanh nghiệp FDI có đánh giá tích cực hơn về công tác quản trị môi trường của chính quyền địa phương, so với các doanh nghiệp tư nhân trong nước.

### #6

Điểm số cao hơn trong CSTP 1 có mối tương quan với việc giảm thiểu thiên tai và những cải thiện trong CSTP 3 có mối tương quan chặt chẽ với việc giảm chỉ số bụi mịn PM 2.5.







# XIN CẢM ƠN!

## Giới thiệu Chỉ số Xanh cấp tỉnh

**GS. TS. Edmund J. Malesky**

Giám đốc Trung tâm Phát triển Quốc tế Đại học Duke  
Trưởng nhóm nghiên cứu PCI

